TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 287/2020/HS-PT
Ngày 28 tháng 5 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 837/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2019, do có kháng cáo của bị cáo Hà Thị H đối với Bản án hình sự số 50/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B

Bị cáo có kháng cáo:

Hà Thị H sinh năm 1990; tại tỉnh B;

Nơi thường trú: Ấp Liên Lộc, xã X, huyện C, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 12/12; con ông Hà Huy V, sinh năm 1961 và bà Trần Thị H, sinh năm 1960; bị cáo chưa có chồng con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 06/11/2018 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Lệ T, sinh năm 1976 (vắng mặt), ông Vũ Đức N (có mặt); địa chỉ: C19 Ông Ích Khiêm, phường 9, thành phố V1, tỉnh B

2. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1988; địa chỉ: A22 Nguyễn Trung Trực, phường 9, thành phố V1, tỉnh B (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Nha T1, sinh năm 1982; địa chỉ: 189 Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố V1, tỉnh B (có mặt).

4. Bà Đàm Thị B, sinh năm 1966; địa chỉ: 19A Tôn Thất Thuyết, phường 9, thành phố V1, tỉnh B (vắng mặt).

5. Ông Bùi Văn M, sinh năm 1973; địa chỉ: 213 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, thành phố V1, tỉnh B (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo H:* Bà Trần Thị P và ông Phạm Danh T2– Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Danh Tín (Bà P có mặt, ông T2 có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Công an tỉnh B tiếp nhận đơn của bà Nguyễn Lệ T, sinh năm 1976, cư trú tại C19 Ông Ích Khiêm, phường 9, thành phố V1 và bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1988, cư trú tại A22 Nguyễn Trung Trực, phường 9, thành phố V1 tố cáo Hà Thị H có hành vi vay tiền không trả, dùng Giấy Chứng nhận quyền sở hữu nhà đất C20 Hồ Quý Ly, phường Thắng Tam, thành phố V1 giả mạo thế chấp vay tiền, sau đó ký hợp đồng bán nhà đất nói trên cho vợ chồng bà T để chiếm đoạt tiền vay.

Quá trình thụ lý giải quyết đơn tố cáo của bà T và bà D, Cơ quan điều tra đã ra các Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 46/QĐ-PC45 ngày 23/9/2016, số 06/QĐ-PC45 ngày 12/12/2016. Sau đó, vào các ngày 29/8/2018, 16/8/2019, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh B ra Quyết định số 01/QĐ-PC02 hủy bỏ các quyết định không khởi tố vụ án nêu trên; đồng thời ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 23/QĐ, Quyết định khởi tố bị can số 61/QĐ ngày 29/8/2018 đối với Hà Thị H về tội "Làm giả tài liệu của Cơ quan tổ chức" theo Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 để điều tra theo quy định.

Kết quả điều tra xác định:

1. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan Nhà nước:

Nhà đất tại địa chỉ số C20 Hồ Quý Ly, phường Thắng Tam, thành phố V1 (viết tắt là nhà đất C20 Hồ Quý Ly) theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BE528863 có diện tích 69,8 m^2 thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 67 tại

phường Thắng Tam, thành phố V1 do UBND thành phố V1 cấp ngày 09/5/2011 đứng tên ông Nguyễn Công C, sinh năm 1950, cư trú tại 424-A11 khu 5 tầng, phường 7, thành phố V1. Ngày 09/7/2014, ông C tặng nhà C20 Hồ Quý Ly cho anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1982 (cùng địa chỉ với ông C) được Phòng Công chứng số 1 Sở tư pháp tỉnh B công chứng. Sau đó, anh T3 đã làm thủ tục sang tên, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V1 xác nhận ngày 25/7/2014 (bút lục 45, 46).

Ngày 26/01/2015, anh T3 ký hợp đồng không qua công chứng cho Hà Thị H thuê căn nhà C20 Hồ Quý Ly với giá 3,5 triệu đồng/tháng, thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 01/02/2015 đến 01/02/2016 mục đích để ở. Đến ngày 08/5/2016, anh T3 ký hợp đồng không qua công chứng tiếp tục cho H thuê căn nhà thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 08/5/2016 đến 08/5/2017 cũng với mục đích để ở, giá thuê 3,5 triệu đồng/tháng (bút lục 47 đến 50).

Quá trình thuê ở tại căn nhà C20 Hồ Quý Ly, H nói cho mọi người biết nhà đất này của H. Sau đó, H thuê đối tượng tên Tuấn (không rõ lai lịch địa chỉ) làm giả giấy tờ căn nhà này với giá 50 triệu đồng. Khoảng 3 tháng sau, đối tượng đã làm giả Giấy CNQSD nhà đất số seri BY 992023 diện tích 200 m^2 thửa đất số 160 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại C20 Hồ Quý Ly, phường Thắng Tam, thành phố V1 do UBND thành phố V1 cấp ngày 15/9/2015 đứng tên Hà Thị H, sinh năm 1990, CMT số 273282180, địa chỉ Tổ 48, ấp Liên Lộc, xã Xà Bang, huyện C, tỉnh B giao cho H cầm giữ.

Tại Kết luận giám định số 975/PC54 - Đ3 ngày 05/8/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

"- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY992023, có chữ ký mang tên Trương Văn Trí không phải do cơ quan nhà nước phát hành.

- Chữ ký mang tên "Trương Văn Trí" trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Trương Văn Trí trên tài liệu mẫu ký hiệu không phải mẫu chữ ký cùng một người. Chữ ký được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu trên tài liệu cần giám định không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu đóng ra. Hình dấu được tạo ra bằng phương pháp in phun màu" (bút lục 51, 52, 55).

Ngày 25/12/2018, Cơ quan điều tra có Bản kết luận điều tra số 06/KLĐT đề nghị truy tố H về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" theo Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 26/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B có Quyết định chuyển vụ án số 02/QĐ-VKS-P2 đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố V1 để truy tố theo thẩm quyền. Ngày 25/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố V1 có Cáo trạng số 34/VKS-KSĐT truy tố H về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Quá trình Tòa án nhân dân thành phố V1 thụ lý xét xử Hà Thị H về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" thì phát sinh đơn tố cáo của bà Nguyễn Lệ T, bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Nha T1 (sinh năm 1982, cư trú tại 189 Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố V1), bà Đàm Thị B (sinh năm 1966, trú tại 19A Tôn Thất Thuyết, phường 9, thành phố V1), ông Bùi Văn M (sinh năm 1973, trú tại 213 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 3, thành phố V1) tố cáo H về hành vi vay tiền rồi chiếm đoạt (BL 219 đến 229).

Ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân thành phố V1 đưa vụ án "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" ra xét xử, do phát sinh tình tiết mới nên đã ra Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung số 04/2019/HSST, xác định ngoài hành vi đã bị truy tố, thì hành vi của Hà Thị H còn có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" (BL 196 đến 214).

2. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Trước khi Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh khởi tố điều tra về hành vi làm giả Giấy CNQSD nhà đất số seri BY 992023 thì Hà Thị H đã bỏ trốn, ở nhiều nơi khác nhau như thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hà Nội mà không khai báo tạm vắng, tạm trú. Cơ quan điều tra đã lập các biên bản xác minh ngày 09/7/2018, ngày 12/7/2018, ngày 15/8/2018, ngày 04/9/2018, ngày 21/9/2018, ngày 07/11/2018, ngày 10/7/2019. Kết quả xác minh tại gia đình H; Công an xã Xà Bang, huyện C; Công an phường 8, thành phố V1; Công an phường 22, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; Công an phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương; Công an phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội; Công an phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội…tất cả đều xác định H không ở nơi cư trú, không khai báo tạm vắng, tạm trú, không biết ở đâu. Cơ quan điều tra cũng đã ra Thông báo truy tìm số 811/PC02-Đ3 ngày 14/11/2018, đăng tin trên Báo B số 5755 ngày 26/11/2018 và Đài PTTH tỉnh B để truy tìm H đều không có kết quả. Ngày 07/9/2018, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã số 04/QĐ đối với H. Đến ngày 06/11/2018, Bộ Công an đã bắt giữ H tại Hà Nội (BL19, 37, 101 đến 120, 285, 286). Sau khi bắt truy nã được H, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi

tố vụ án, Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can đối với H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" để điều tra theo quy định.

Kết quả điều tra xác định:

2.1. Hành vi chiếm đoạt 2,037 tỷ đồng đối với vợ chồng bà Nguyễn Lệ T:

Thông qua quan hệ quen biết, từ năm 2015, H nhiều lần vay tiền vợ chồng ông bà Nguyễn Lệ T - Vũ Đức N. Ngày 06/01/2016, hai bên chốt số tiền H nợ vợ chồng bà T đến ngày 06/01/2016 là 1,65 tỷ đồng. Vợ chồng bà T yêu cầu phải có tài sản thế chấp để đảm bảo trả nợ thì H thế chấp cho vợ chồng bà T 01 Giấy CNQSD nhà đất số seri BY 992023 giả kèm theo bộ hồ sơ xe ô tô hiệu Huyndai Accent chưa đăng ký biển số của Nguyễn Tuấn L (bạn trai H), cam kết đến ngày 08/01/2016 thì H sẽ trả hết số tiền nợ trên.

Ngày 08/01/2016, do không có tiền trả cho vợ chồng bà T theo cam kết nên H đã ký Hợp đồng bán nhà đất C20 Hồ Quý Ly theo Giấy CNQSD nhà đất số seri BY 992023 giả không qua công chứng cho bà T với giá 1,65 tỷ đồng, đồng thời đưa Giấy CMND, sổ hộ khẩu gia đình H cho bà T cầm giữ, thống nhất hẹn ngày 23/01/2016 hai bên ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng, có Trần Thị N là bạn của H đi cùng ký làm chứng (BL 57).

Ngày 12/01/2016, H tiếp tục vay của vợ chồng T – N số tiền 650 triệu đồng có thế chấp nhà đất tại địa chỉ 152/30A Ba Cu, phường 3, thành phố V1 theo Giấy CNQSD nhà đất số seri 720103298 (nhà đất và giấy tờ thật) do UBND thành phố V1 cấp ngày 07/5/2003 mà H đã mua và sang tên ngày 08/01/2016 cho vợ chồng bà T (BL 60). Ngày 14/01/2016, H lại tiếp tục vay của vợ chồng bà T số tiền 620 triệu đồng rồi trả lại 400 triệu đồng. Ngày 15/01/2016, H nói bà T đưa lại bộ hồ sơ xe ô tô Huyndai Accent để H đi làm thủ tục đăng ký biển số và hứa sẽ đưa lại Giấy đăng ký xe cho bà T cầm giữ, nhưng H đã không đưa như đã hứa. Ngày 18/01/2016, H nói bà T đưa Giấy CNQSD nhà đất 152/30A Ba Cu, phường 3, thành phố V1 để bán trả nợ cho bà T. H đã bán nhà đất này và trả cho bà T 350 triệu đồng.

Ngày 26/01/2016, vợ chồng bà T và H thống nhất chốt tổng số tiền H còn nợ là 2,237 tỷ đồng (bao gồm nợ cũ là 1,65 tỷ đồng, nợ mới là 520 triệu đồng, lãi suất của khoản nợ cũ và nợ mới là 67 triệu đồng). H cam kết đến ngày 27/01/2016 sẽ trả 600 triệu đồng, đến ngày 29/01/2016 sẽ trả hết số tiền nợ còn lại cho vợ chồng bà T. Quá trình giải quyết đơn tố cáo của bà T, ngày 13/5/2016, H giao nộp số tiền 200 triệu đồng tại Cơ quan điều tra để xử lý trả lại cho vợ

chồng bà T (BL71, 72). Quá hạn cam kết trả nợ, H không trả nợ mà bỏ trốn chiếm đoạt số tiền 2,037 tỷ đồng của vợ chồng bà T.

2.2. Hành vi chiếm đoạt 1,13 tỷ đồng đối với bà Nguyễn Thị Kim D:

Từ tháng 01/2015 đến ngày 13/01/2016, H nhiều lần vay bà D tổng số tiền 1,13 tỷ đồng. Khi vay tiền không thế chấp tài sản, nhưng khi viết giấy nhận tiền thì H ghi thế chấp cho bà D nhà đất C20 Hồ Quý Ly (BL 209) nhưng không giao giấy tờ nhà đất cho bà D vì H đã dùng Giấy CNQSD nhà đất số seri BY 992023 giả thế chấp cho vợ chồng bà T vào ngày 06/01/2016. Quá hạn cam kết trả nợ, H không trả nợ mà bỏ trốn chiếm đoạt số tiền 1,13 tỷ đồng của bà D.

2.3. Hành vi chiếm đoạt 5,7 tỷ đồng đối với bà Nguyễn Thị Nha T1:

Ngày 15/9/2015, H viết giấy vay của bà T1 số tiền 200 triệu đồng, hẹn đến ngày 17/9/2015 trả (BL 251). Khi vay tiền, H nói bà T1 đang cần nhà để ở thì bà T1 nói có căn nhà đang cần bán nên ngày 20/10/2015, bà T1 cùng chồng là Nguyễn Văn P1 ký Hợp đồng chuyển nhượng cho H nhà đất tại địa chỉ 173/28 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, thành phố V1 (BL281), giá cả chuyển nhượng là 1,7 tỷ đồng nhưng hai bên thống nhất giá ghi trong hợp đồng là 700 triệu đồng được Văn phòng công chứng Thắng Nhất ký công chứng. Sau khi ký kết hợp đồng, H chưa có tiền trả nên vợ chồng bà T1 cho H nợ số tiền này.

Ngoài ra, từ tháng 10/2015, H nhiều lần vay tiền của bà T1 với tổng số tiền vay 7,745 tỷ đồng, đã trả tiền gốc và lãi khoảng hơn 02 tỷ đồng. Ngày 02/12/2015, H viết Giấy nhận nợ bà T1 là 5,5 tỷ đồng, cam kết đến ngày 06/12/2015 H sẽ trả hết tiền (BL 252).

Như vậy, tổng cộng cả 02 khoản H còn nợ bà T1 là 5,7 tỷ đồng. Bà T1 yêu cầu H thế chấp tài sản thì H đưa cho bà T1 01 Thẻ Tiết kiệm có kỳ hạn số seri CI 075440 giá trị 3.009 USD do Ngân hàng Sacombank phát hành ngày 11/8/2015 đứng tên Hà Thị H và 01 bản chính Bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp số hiệu B75518 do Trường Cao Đẳng Cảnh sát nhân dân cấp ngày 30/8/2014 cho Nguyễn Tuấn L là bạn trai H. Quá hạn cam kết trả nợ, H không trả nợ mà bỏ trốn chiếm đoạt số tiền 5,7 tỷ đồng của bà T1.

2.4. Hành vi chiếm đoạt 01 tỷ đồng đối với bà Đàm Thị B:

Năm 2015, H nhiều lần vay tiền của bà Bích không thế chấp với tổng số tiền là 2,1 tỷ đồng, số tiền đã trả là 600 triệu đồng. Ngày 27/7/2016, bà Bích cùng H lập Biên bản thỏa thuận giảm nợ xuống còn 01 tỷ đồng và trả dần trong

thời hạn từ ngày 31/10/2016 đến ngày 28/01/2018. Quá hạn cam kết trả nợ, H không trả nợ mà bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền 01 tỷ đồng của bà Bích (BL 267).

2.5. Hành vi chiếm đoạt 1,33 tỷ đồng đối với ông Bùi Văn M:

Năm 2015, H nhiều lần vay của ông M tổng số tiền 3,03 tỷ đồng, trong đó có 02 lần vay (tổng số 1,2 tỷ đồng) có thế chấp GCNQSD nhà đất tại địa chỉ 173/28 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, thành phố V1 (nhà đất và giấy tờ thật), số còn lại vay không thế chấp. H có trả lãi suất và 500 triệu đồng tiền gốc cho ông M, sau đó chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ 173/28 Lê Lợi nói trên cho ông M để trừ vào số nợ gốc 1,2 tỷ đồng (BL281). Sau đó, H và ông M chốt tổng số tiền H còn nợ của ông M 1,33 tỷ đồng. Quá hạn cam kết trả nợ, H không trả nợ mà bỏ trốn chiếm đoạt số tiền 1,33 tỷ đồng của ông M.

Qua xem xét, đánh giá kết quả điều tra về hành vi của Hà Thị H theo đơn tố cáo của bà T, bà D, bà T1, bà Bích, ông M, xét thấy: Ban đầu việc vay tiền giữa H với vợ chồng bà T, bà D, bà T1, bà Bích, ông M là các giao dịch dân sự. Sau khi nhận tiền vay, H đã dùng thủ đoạn gian dối sử dụng nhà đất C20 Hồ Quý Ly và Giấy CNQSD nhà đất số seri BY992023 đứng tên Hà Thị H hoàn toàn giả mạo thế chấp cho vợ chồng bà T và bà D để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Sau đó, H tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối ký Hợp đồng bán nhà đất C20 Hồ Quý Ly cho vợ chồng bà T. Quá hạn cam kết trả nợ, H đã không trả nợ mà bỏ trốn để chiếm đoạt của vợ chồng bà T số tiền 2,037 tỷ đồng, chiếm đoạt của bà D số tiền 1,13 tỷ đồng, chiếm đoạt của bà T1 số tiền 5,7 tỷ đồng, chiếm đoạt của bà B số tiền 01 tỷ đồng, chiếm đoạt của ông M số tiền 1,33 tỷ đồng. Do đó, hành vi của H có đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" (BL 25 đến 31, 71, 72 122 đến 135, 253 đến 293, 300 đến 356).

3. Giải quyết dân sự trong vụ án:

- Vợ chồng bà Nguyễn Lệ T yêu cầu H trả số tiền 2,037 tỷ đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim D yêu cầu H trả số tiền 1,13 tỷ đồng.

- Bà Nguyễn Thị Nha T1 yêu cầu H trả số tiền 5,7 tỷ đồng.

- Bà Đàm Thị B yêu cầu H trả số tiền 1 tỷ đồng.

- Ông Bùi Văn M yêu cầu H trả số tiền 2,2 tỷ đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định H còn thiếu nợ của ông M số tiền 1,33 tỷ đồng.

Đến nay, bị can và gia đình chưa chưa trả tiền cho các bị hại.

4. Vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án:

- 01 tài liệu bản chính giả Giấy CNQSD nhà đất số seri BY 992023 đứng tên Hà Thị H, sinh năm 1990, CMT số 273282180, địa chỉ Tổ 48, ấp Liên Lộc, xã Xà Bang, huyện C, tỉnh B (bút lục 51, 52).

- 01 Thẻ Tiết kiệm có kỳ hạn bản chính số seri CI 075440 giá trị 3.009 USD do Ngân hàng Sacombank phát hành ngày 11/8/2015 đứng tên Hà Thị H. Tại văn bản số 534 ngày 08/7/2019, Sacombank xác định H đã tất toán Thẻ tiết kiệm này vào ngày 21/6/2016 (bút lục 253, 276).

- 01 Bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp số hiệu B75518 (bản chính) do Trường Cao Đẳng Cảnh sát nhân dân cấp ngày 30/8/2014 cho Nguyễn Tuấn L (bút lục 254).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hà Thị H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 175; khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Hà Thị H 14 (mười bốn) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Hà Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/11/2019 bị cáo Hà Thị H kháng cáo xin được làm rõ bị cáo không phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, nhận tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Hành vi của bị cáo Hà Thị H đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo cùng một lúc phạm hai tội, xâm phạm tài sản của người khác giá trị đặc biệt lớn. Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và cung cấp tài liệu gia

đình có người tham gia Cách mạng là căn cứ mới để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị đặc biệt lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị cáo, y án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn nhận tội, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; gia đình hoàn cảnh rất khó khăn, người thân của bị cáo có công với Cách mạng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo có cơ hội sớm trở về giải quyết nợ cho người bị hại.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của luật sư và có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Hà Thị H đúng luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hà Thị H thay đổi nội dung kháng cáo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt thì thấy:

[1]. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập, thể hiện: Thông qua hợp đồng vay tiền từ năm 2015 đến năm 2016 và hợp đồng mua nhà, bị cáo nợ của bà T 2.037.000.000 đồng (gồm 1.970.000.000 đồng vốn và 67.000.000 đồng lãi), nợ của bà D 1.130.000.000 đồng, nợ của bà T1 5.700.000.000 đồng và nợ của ông M 1.330.000.000 đồng. Tổng số tiền là 11.197.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, bị cáo không trả nợ mà dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất C20 Hồ Quý Ly, phường Thắng Tam, thành phố V1, tỉnh B là giấy giả, 01 Thẻ Tiết kiệm có kỳ hạn số seri CI 075440 giá trị 3.009 USD do Ngân hàng Sacombank phát hành ngày 11/8/2015 (bị cáo tất toán xong ngày 21/6/2016) và hồ sơ xe ô tô hiệu Huyndai Accent không thuộc quyền sở hữu của bị cáo để thế chấp tạo lòng tin cho bị hại là bà T, bà D và bà T1. Bị cáo đã bỏ trốn khỏi nơi thường trú, tạm trú, qua xác minh không biết bị cáo ở đâu. Ngày 07/9/2018, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã số 04/QĐ đối với bị cáo và đến ngày 06/11/2018, bị cáo bị bắt giữ tại Hà Nội (BL19, 37, 101 đến 120, 285, 286). Do đó, cấp sơ thẩm đã

quy kết bị cáo phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng tội.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã nhiều lần xâm phạm đến tài sản hợp pháp của nhiều người, là khách thể được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Sau khi phạm tội, bị cáo cũng chưa bồi thường, khắc phục hậu quả, gây thiệt hại rất lớn cho nhiều bị hại. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 14 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận tội, thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, thật sự ăn năn hối cải; gia đình có hoàn cảnh khó khăn; có ông tham gia Cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương hạng ba; là những tình tiết mới được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận lời bào chữa của luật sư cho bị cáo, giảm cho bị cáo một phần mức án, bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với những nhận định trên nên không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị H; sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 1 Điều 341, điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Hà Thị H 12 (mười hai) năm tù về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội: "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Hình phạt chung cho hai tội bị cáo Hà Thị H phải chấp hành là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí hình sự phúc: Bị cáo Hà Thị H không phải nộp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 28/5/2020.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND tỉnh B (1);
- VKSND tỉnh B (1);
- Cục THADS tỉnh B (1);
- CA tỉnh B (1);
- Sở tư pháp tỉnh B (1);
- Trại tạm giam tỉnh B (2) (để tống đạt cho bc 1b);
- Lưu VT (6) HS(1) PTHH -16.